SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BỆNH VIỆN DA LIỄU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 210 /QĐ-BVDL

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm bổ sung vật tư y tế, hóa chất, hàng hóa đặc thù cho Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN DA LIỄU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 1997 của Chủ tịch UBND lâm thời thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học của bệnh viện ngày 01 tháng 10 năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng mua sắm của bệnh viện ngày 13 tháng 10 năm 2026;

Theo đề nghị của Khoa Dược tại Tờ trình ngày 14 tháng 10 năm 2026 về việc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm bổ sung vật tư y tế, hóa chất, hàng hóa đặc thù cho Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm bổ sung vật tư y tế, hóa chất, hàng hóa đặc thù cho Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng năm 2026 với các nội dung chi tiết theo các phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký.

Trưởng Khoa Dược, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán và các bộ phận, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Sở Y tế TP Đà Nẵng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BỆNH VIỆN DA LIỄU

Trần Công Đức

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM BỔ SUNG VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT, HÀNG HÓA ĐẶC THÙ CHO BỆNH VIỆN DA LIỄU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 210 /QĐ-BVDL ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng	Gói thầu mua sắm bổ sung vật tư y tế, hóa chất, hàng hóa cho Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng năm 2026	Mua sắm vật tư y tế, hóa chất, hàng hóa	405.527.137 đồng	Từ nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh, nguồn thu do cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán và nguồn thu hợp pháp khác theo quy định	Chào giá trực tuyến rút gọn theo từng phần	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	45 ngày	Quý IV năm 2026	Theo đơn giá cố định	04 tháng	Không
2	Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng	Gói thầu mua sắm bổ sung hàng hóa đặc thù cho Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng năm 2026	Mua sắm mỹ phẩm	80.000.000 đồng	Từ nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh, nguồn thu do cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán và nguồn thu hợp pháp khác theo quy định	Chào giá trực tuyến rút gọn	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	45 ngày	Quý IV năm 2026	Theo đơn giá cố định	12 tháng	Không
	Tổng			**485.527.137 đồng**								

Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng./.

(Giá gói thầu nêu trên là giá tối đa đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí vận chuyển và các loại thuế theo quy định của Nhà nước)

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC GÓI THẦU MUA SẮM BỔ SUNG VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT, HÀNG HÓA CHO BỆNH VIỆN DA LIỄU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 210 /QĐ-BVDL ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Natri hydroxit (NaOH)	Natri hydroxit	Gam	2.000	320	640.000
2	RPR - Carbon	`- Mục đích: Bán định lượng kháng thể không đặc hiệu kháng xoắn khuẩn giang mai bằng phương pháp RPR - Nguyên lý: ngưng kết hạt - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương - Dạng: sẵn sàng sử dụng - Độ nhạy: ≥ 98% - Độ đặc hiệu: ≥ 98,7% - Đóng gói: Thuốc thử, chứng âm, chứng dương, tấm card, que dàn mẫu. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. - Xuất xứ G7	Test	3.500	4.830	16.905.000
3	TPHA	`- Mục đích: Bán định lượng kháng thể đặc hiệu kháng xoắn khuẩn giang mai bằng phương pháp TPHA - Nguyên lý: ngưng kết hạt - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương - Dạng: sẵn sàng sử dụng - Độ nhạy: ≥ 99.3% - Độ đặc hiệu: ≥ 99.7% - Đóng gói: Dung dịch pha loãng, chứng âm, chứng dương, Control cell, test cell. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. - Xuất xứ G7	Test	3.000	15.000	45.000.000
4	Hoá chất phát hiện kháng thể kháng nhân bộ 8(ANA 8 Profile)	Mục đích: Phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Ro/SSA60KDa, Ro/SSA52KDa, La/SSB, RNP-68, Sm, Scl-70, Jo-1, CENP-B bằng phương pháp xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA). - Thành phần bộ xét nghiệm tối thiểu gồm có : Khay vi giếng được phủ kháng	Test	24	789.000	18.936.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		nguyên ; chứng âm; chứng dương; đệm rửa đậm đặc; enzyme liên hợp; cơ chất; Axit Sulphuric; dung dịch pha loãng mẫu; miếng dán khay. - Mẫu bệnh phẩm: Huyết thanh/ Huyết tương - Tổng thời gian ủ ≤ 105 phút - Độ đặc hiệu chẩn đoán: ≥ 98 % - Độ nhạy chẩn đoán: ≥ 98 % - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy xét nghiệm Etimax 3000				
5	Hoá chất phát hiện kháng thể kháng giun lươn	Mục đích: phát hiện kháng thể kháng giun lươn bằng phương pháp ELISA Thành phần thuốc thử tối thiểu gồm có: Mẫu chứng dương, mẫu chứng âm, Protein-A HRP Conjugate, khay phản ứng, dung dịch pha loãng, dung dịch rửa, cơ chất TMB, Dung dịch dừng phản ứng. - Thời gian ủ ≤ 20 phút - Quy cách: Hộp ≥ 96 giếng có thể bẻ rời - Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương - Độ nhạy: ≥ 99% - Độ đặc hiệu: ≥ 99% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy xét nghiệm Etimax 3000	Test	1.340	42.000	56.280.000
6	Hoá chất phát hiện kháng thể kháng giun đũa chó mèo	Mục đích: Định tính kháng thể IgG kháng lại Toxocara trong huyết thanh/ huyết tương người bằng phương pháp xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA) Thành phần thuốc thử tối thiểu gồm có: Mẫu chứng dương, mẫu chứng âm, Protein-A HRP Conjugate, khay phản ứng, dung dịch pha loãng, dung dịch rửa, cơ chất TMB, dung dịch dừng phản ứng - Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương - Thời gian ủ ≤ 20 phút - Quy cách: Hộp ≥ 96 giếng có thể bẻ rời - Độ nhạy: ≥ 87% - Độ đặc hiệu: ≥ 93% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Test	2.880	42.000	120.960.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		- Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy xét nghiệm Etimax 3000				
7	Hoá chất phát hiện kháng thể IgG kháng Gnathostoma spinigerum	Mục đích : Định tính kháng thể IgG kháng Gnathostoma trong huyết thanh người bằng phương pháp xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA). Thành phần tối thiểu gồm có: khay phản ứng, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương - Thời gian ủ ≤ 50 phút - Quy cách: Hộp ≥ 96 giếng có thể bẻ rời - Độ nhạy: ≥ 93% - Độ đặc hiệu: ≥ 99% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy xét nghiệm Etimax 3000	Test	960	42.000	40.320.000
8	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán Chlamydia trachomatis (Chlamydia trachomatis test nhanh)	Mục đích: Phát hiện định tính trực tiếp kháng nguyên Chlamydia trachomatis - Nguyên lý: Sắc kí miễn dịch - Mẫu thử: Dịch cổ tử cung/ dịch niệu đạo/ nước tiểu. - Dạng: Khay nhựa - Quy cách đóng gói: 1 test trong túi riêng kèm hút ẩm - Ngưỡng phát hiện: ≤ 5x 10^4 IFU/ml - Độ nhạy: ≥ 93 % - Độ đặc hiệu: ≥ 99 %. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	500	21.000	10.500.000
9	Máu nội kiểm huyết học 5 thành phần	`- Mục đích: Máu nội kiểm huyết học - Thành phần chính: máu toàn phần (người/động vật) có giá trị tham chiếu - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff 5	Lọ	2	2.500.000	5.000.000
10	Bộ kit định tính Neisseria gonorrhoeae	`- Mục đích: Định tính Neisseria gonorrhoeae - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ đầu dò Taqman probe - Phương thức: PCR-RT	Test	50	132.210	6.610.500

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		- Thành phần hoá chất: Neisseria gonorrhoeae rPCR mix, chứng nội, chứng dương, chứng âm - Loại mẫu: Mẫu dịch phết âm đạo/ niệu đạo hoặc hậu môn - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Tương thích với máy PCR-RT AriaMx-Agilent - Xuất xứ: OECD				
11	Bộ kit định tính Chlamydia trachomatis	`- Mục đích: Định tính Chlamydia trachomatis - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ đầu dò Taqman probe - Phương thức: PCR-RT - Thành phần hoá chất: Chlamydia trachomatis rPCR mix, chứng nội, chứng dương, chứng âm - Loại mẫu: Mẫu dịch phết âm đạo/ niệu đạo hoặc hậu môn - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Tương thích với máy PCR-RT AriaMx-Agilent - Xuất xứ: OECD	Test	50	132.210	6.610.500
12	Hóa chất Định lượng Albumin	`- Mục đích: định lượng Albumin trong huyết thanh/huyết tương. - Phương pháp: Đo quang sử dụng bromocresol green. - Dải đo: từ ≤ 0,15 đến ≥ 8 g/dL - Thành phần: R1 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Dung tích ≥ 335 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010/ Furuno CA270 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy)	Hộp	1	1.627.765	1.627.765
13	Hóa chất Định lượng Bilirubin trực tiếp	`- Mục đích: định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh/huyết tương. - Phương pháp: Đo quang theo phương pháp Vanadate. - Dải đo: từ ≤ 0.1 đến ≥ 20 mg/dL - Thành phần: gồm R1 và R2. - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Dung tích ≥ 200 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	1	2.800.000	2.800.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		- Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010/ Furuno CA270 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy)				
14	Hóa chất Định lượng Bilirubin toàn phần	`- Mục đích: định lượng Bilirubin toàn phần trong huyết thanh/huyết tương. - Phương pháp: Đo quang theo phương pháp Vanadate. - Dải đo: từ ≤ 0.2 đến ≥ 40 mg/dL - Thành phần: gồm R1 và R2. - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích ≥ 200 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010/ Furuno CA270 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy)	Hộp	1	2.750.000	2.750.000
15	Hóa chất Định lượng Calci toàn phần	`- Mục đích: định lượng Calcium trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Đo quang, điểm cuối với Arsenazo III. - Dải đo: từ ≤ 0.65 đến ≥ 16 mg/dL - Thành phần: R1. - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích ≥ 335 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010/ Furuno CA270 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy)	Hộp	1	2.690.050	2.690.050
16	Hóa chất định lượng Cholesterol toàn phần	`- Mục đích: định lượng Cholesterol trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học enzym theo CHOD-PAP - Dải đo: từ ≤ 4 đến ≥ 750mg/dL - Thành phần: R1. - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Dung tích ≥ 335 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010/ Furuno CA270 (lọ hoá	Hộp	1	3.049.840	3.049.840

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy)				
17	Hóa chất định lượng Protein toàn phần	`- Phương pháp: Đo quang theo Phương pháp biuret - Dải đo: từ ≤ 0.2 đến ≥ 12 g/dL - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích ≥ 252 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010/ Furuno CA270 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy)	Hộp	1	1.249.920	1.249.920
18	Hóa chất Định lượng Acid Uric	`- Mục đích: định lượng Uric Acid trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Đo quang enzymatic - Dải đo : từ ≤ 0.25 đến ≥ 30 mg/dL - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích ≥ 252 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010/ Furuno CA270 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy)	Hộp	1	3.579.912	3.579.912
19	Test phát hiện định tính nhanh HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người.	`- Mục đích: Phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B - Nguyên lý: sắc ký miễn dịch - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100% - Thời gian đọc kết quả ≤ 20 phút. - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương/máu toàn phần ≤ 100uL - Ngưỡng phát hiện ≤ 2UI/mL - Dạng khay - Không có phản ứng chéo với các mẫu HCV, HAV, CMV, EBV, Parvovirus, HIV, VZV, Syphilis, Rubella, HTLV và HSV. - Không bị gây nhiễu bởi các chất: Rheumatoid factor, Bilirubin, Hemoglobin,	Test	300	17.430	5.229.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		Triglycerides, Metronidazole, Mefloquine, Quinine,Primaquine, Pyrimethamine, Ritonavir, Tenofovir disoproxil fumarate, Entecavir, Isoniazid (INH), Aspirin, Paracetamol, Biotin, Caffeine. - Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Xuất xứ: các nước thuộc OECD				
20	Bộ định danh vi khuẩn gram âm	Bộ định danh gồm 14 thử nghiệm sinh hóa dùng để định danh trực khuẩn gram âm, dễ mọc	Bộ	1	615.000	615.000
21	Thạch Chromagar	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt được dùng phân lập vi khuẩn gây nhiễm trùng tiểu	Đĩa	50	50.000	2.500.000
22	Thạch chứa môi trường nuôi cấy - huyết tương thỏ đông khô	Môi trường nuôi cấy dùng thực hiện thử nghiệm coagulase bằng huyết thỏ đông khô để định danh Staphylococcus	Lọ	20	33.300	666.000
23	Thạch Mueller Hinton	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường thực hiện kháng sinh đồ vi khuẩn dễ mọc	Đĩa	50	13.790	689.500
24	Thạch nâu có VCN	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc được dùng phân lập chọn lọc vi khuẩn Neisseria	Đĩa	50	23.000	1.150.000
25	Đầu col 300 µl	Dùng hút bệnh phẩm, hóa chất, dung tích 300ul Phù hợp với máy ElISA tự động ETI - Max 3000 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	960	3.500	3.360.000
26	Que tăm bông cán dài, không tiệt trùng	Que tăm bông 5mm, dài ≥ 15 cm, thân nhựa nguyên sinh, không tiệt trùng	Que	10.000	547	5.470.000
27	Test thử đường máu mao mạch	Test thử đường máu mao mạch. Phù hợp cho máy đo đường huyết Accu Chek Guide	Test	200	9.922	1.984.400
28	Băng dán hydrocoloid	Băng dán hydrocolloid kết hợp film polyurethane thoáng khí, chống thấm nước và ngăn chặn vi khuẩn xâm nhập. Kích thước 10x10cm. Lưu băng lên tới 7 ngày tùy lượng dịch tiết, tình trạng vết thương. Tiệt trùng từng miếng bằng tia Gamma	Miếng	500	36.800	18.400.000
29	Dung dịch tẩy rửa sinh học đa enzyme	Dung dịch tẩy rửa sinh học có chứa ≥ 5 enzyme hiệu quả với mọi chất bẩn. Tẩy rửa dụng cụ nội khoa, ngoại khoa và các dụng cụ y tế khác bằng cách ngâm, bồn rửa siêu âm hoặc máy rửa dụng cụ. Can ≥ 5 lít	Can	5	2.220.750	11.103.750

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
30	Cồn y tế 70 độ	Cồn y tế 70 độ. Đóng chai từ 1 đến 2 lít	lít	300	29.500	8.850.000
	Tổng					**405.527.137**

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC GÓI THẦU MUA SẮM BỔ SUNG HÀNG HÓA ĐẶC THÙ CHO BỆNH VIỆN DA LIỄU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 210 /QĐ-BVDL ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Dung dịch dưỡng da	Dung dịch dưỡng da dùng được trong kỹ thuật đa kim tế bào gốc tại bệnh viện Giúp dưỡng ẩm cho da nhạy cảm, giúp làm mịn da, hỗ trợ giảm nếp nhăn da Có số CBMP còn hiệu lực	ml	1.000	80.000	80.000.000
	Tổng					**80.000.000**